

Số: **1357**/ĐHV-KHTC

Nghệ An, ngày **28** tháng 10 năm 2022

V/v đánh giá thực hiện kế hoạch
năm 2022 và xây dựng kế hoạch
năm 2023

Kính gửi: Trường các đơn vị

Nhà trường triển khai việc tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023. Để đảm bảo tiến độ của hoạt động, Nhà trường yêu cầu:

1. Phòng Kế hoạch - Tài chính: Là đơn vị chủ trì việc tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023, có nhiệm vụ:

- Xây dựng hướng dẫn, biểu mẫu, cung cấp số liệu kế hoạch năm 2022 cho các đơn vị (nếu cần) để các đơn vị thuộc và trực thuộc trong toàn Trường chủ động đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm 2022.

- Căn cứ Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kế hoạch năm học 2022 - 2023; Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030; Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025; Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025; Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường; Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh xây dựng hướng dẫn, biểu mẫu để các đơn vị thuộc và trực thuộc trong toàn Trường xây dựng kế hoạch năm 2023.

2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc trong toàn Trường: Căn cứ kế hoạch năm 2022 đã được phê duyệt; Quyết định số 856/QĐ-ĐHV ngày 15/4/2022 của Hiệu trưởng về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch năm 2022 rà soát, tiến hành đánh giá tổng kết theo hướng dẫn, các biểu mẫu của Nhà trường; đánh giá các kết quả đạt được, chỉ ra các tồn tại, hạn chế, từ đó xây dựng kế hoạch năm 2023.

3. Giao các đơn vị: Đào tạo, Đào tạo Sau đại học, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Phòng Công tác chính trị - Học sinh, sinh viên, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Nhà xuất bản, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính hướng dẫn, thẩm định kế hoạch các đơn vị.

4. Các đơn vị trong toàn Trường hoàn thành tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch năm 2022 và xây dựng kế hoạch năm 2023 trước ngày 25/11/2022. Nhà trường thẩm định, tổng hợp kế hoạch trước ngày 10/12/2022; trình Hội đồng trường phê duyệt để kịp thời triển khai các hoạt động năm 2023 theo đúng kế hoạch.

Nhận được Công văn này, Nhà trường yêu cầu Trưởng các đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: HCTH, KH-TC.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

HƯỚNG DẪN

Xây dựng kế hoạch đào tạo, giảng dạy và dự toán năm 2023

(Kèm theo Công văn số 1357 /ĐHV-KHTC ngày 28/10/2022

của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2022

Các đơn vị thực hiện đánh giá việc thực hiện kế hoạch trên tất cả các lĩnh vực, các chỉ tiêu đã xây dựng theo kế hoạch năm 2022. Qua đó, đánh giá rõ kết quả thực hiện và nêu ra các mặt thuận lợi, khó khăn và các kiến nghị, đề xuất với Nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo trên các lĩnh vực hoạt động.

Cụ thể cho các mảng kế hoạch gồm:

1. Tình hình tuyển sinh
2. Mở mã ngành
3. Về công tác tổ chức cán bộ
 - 3.1. Về công tác đào tạo, bồi dưỡng
 - 3.2. Về thăng hạng, học hàm
4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học
5. Về công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo
6. Về xuất bản giáo trình, tài liệu
7. Các chỉ tiêu chung

Lưu ý: Việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ năm 2022, phải nêu rõ các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, các việc làm được và chưa làm được; chỉ ra những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện và xác định nguyên nhân, trên cơ sở đó đề ra các giải pháp thực hiện cho năm 2023, đặc biệt là công tác phối hợp với các phòng ban chức năng, các đơn vị liên quan thực hiện tuyển sinh các bậc, hình thức đào tạo.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2023

Các đơn vị xây dựng kế hoạch theo các phụ lục và các mẫu biểu được hướng dẫn cho từng nội dung, từng chỉ tiêu.

Các đơn vị thẩm định các nội dung liên quan của đơn vị mình phụ trách. Việc phân công thẩm định các bảng biểu cho các đơn vị (*bảng đính kèm sau đây*) dựa trên chức năng nhiệm vụ. Tuy nhiên, để kết quả thẩm định kế hoạch chính xác, phù hợp với thực tiễn, các đơn vị thẩm định cần có sự xem xét, rà soát trên toàn bộ các đánh giá và các bảng biểu của kế hoạch mỗi đơn vị.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
1	Biểu 1 về quy mô sinh viên và tình hình tuyển sinh:	Phòng CTCT – HSSV	Phòng CTCT – HSSV	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.
-	Quy mô sinh viên đầu năm (01/01/2023): <i>Trong đó các đơn vị lập kế hoạch lưu ý rà soát số lượng người học đã hết thời gian đào tạo nhưng vì nhiều lý do (chưa tích lũy đủ điểm các học phần, thiếu các chứng chỉ như giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ,) để đề xuất các giải pháp cho những đối tượng người học này sớm được ra trường.</i>	Phòng CTCT – HSSV		
-	Dự kiến số lượng giảm trong năm: gồm người học tốt nghiệp, ra trường trong năm, dự kiến số lượng có thể chuyển trường, thôi học, bỏ học trong năm.	Phòng CTCT – HSSV		
-	Kế hoạch tuyển mới	Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm giáo dục thường xuyên.	Các đơn vị quản lý đào tạo.	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.
-	Quy mô cuối năm (31/12/2023)	Phòng CTCT – HSSV	Phòng CTCT – HSSV.	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.
2	Biểu 2 về kế hoạch đào tạo, giảng dạy năm 2023			
2a	Biểu 2a. Biểu kế hoạch đào tạo, giảng dạy: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh, khung chương trình đào tạo của các chuyên ngành đào tạo đại học, sau đại học, VLVH, ĐTTX các đơn vị lập chi tiết đến từng môn	Phòng Đào tạo, Phòng Đào tạo Sau đại học, Trung tâm giáo dục thường xuyên.	Các đơn vị quản lý đào tạo.	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	học, học phần, lớp học dự kiến mở; số lượng sinh viên hoặc học viên được hướng dẫn luận văn, đồ án và lập cho từng học kỳ; xác định số tín chỉ của học phần theo cột 3, hệ số môn học cột 4 (<i>theo file đính kèm</i>) và dự kiến số lượng người học đăng ký học phần để xác định số tín chỉ thu học phí ở cột 8. Các Bộ môn chi tiết hóa số giáo viên, giảng viên hiện tại của mình và xây dựng kế hoạch giảng dạy với năng lực tối đa để mở lớp, đảm bảo đúng chuyên ngành với các học phần Bộ môn được giao đảm nhận (<i>mỗi giáo viên, giảng viên của các Bộ môn phải có giấy đăng ký học phần, số giờ giảng dạy và cam kết thực hiện</i>). Những Bộ môn có số giờ theo kế hoạch đào tạo vượt định mức phải đảm nhận lớn (<i>đã đăng ký tối đa mà vẫn không đảm nhận hết kế hoạch mở lớp</i>), các giảng viên phải đăng ký và cam kết thực hiện tối thiểu vượt giờ chuẩn định mức 200%.			
2b	Biểu 2b dành cho Trường THSP và trường THPT Chuyên: Trường THSP, Trường THPT Chuyên, các đơn vị lập chi tiết đến từng giảng viên.	Phòng Đào tạo	Phòng Đào tạo	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.
3	Biểu 3 về Khối lượng giờ định mức phải đảm nhận của đơn vị			
	Các đơn vị xây dựng kế hoạch số giờ chuẩn phải đảm	Phòng Tổ chức cán bộ	Phòng Tổ chức cán bộ	Biên bản thẩm định và

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	nhận chi tiết từng giáo viên, giảng viên theo các Bộ môn sau đó tổng hợp toàn đơn vị. Việc miễn, giảm định mức giờ giảng dạy, giờ NCKH, giờ HĐCM khác thực hiện theo Quy chế CTNB của Trường Đại học Vinh; các đơn vị thuyết minh rõ các lý do được miễn giảm định mức giờ chuẩn tại phần cột ghi chú.			Bảng số liệu tổng hợp theo phụ lục 3.
4	Biểu 4 về Kế hoạch về kinh phí hóa chất, vật tư thực hành, thí nghiệm, thực tập, rèn nghề và các hoạt động khác.			
-	Kế hoạch về hóa chất, vật tư phục vụ thực hành thí nghiệm: Các đơn vị xây dựng kế hoạch phải căn cứ theo kế hoạch đào tạo năm học mới và định mức kinh tế kỹ thuật của các môn học đã được phê duyệt theo Quyết định số 1244/QĐ-ĐHV ngày 18/10/2016 về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác giảng dạy thực hành, thí nghiệm của Trường Đại học Vinh và Quyết định số 2865/QĐ-ĐHV ngày 2/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác giảng dạy thực hành, thí nghiệm của Trường Đại học Vinh.	Trung tâm thực hành thí nghiệm thẩm định nội dung và sự cần thiết của từng hoạt động.	Trung tâm thực hành thí nghiệm	Biên bản thẩm định và Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 4a của phụ lục 3.
-	Kinh phí thực tập, kiến tập, rèn nghề cấp khoa, hội thi, Các Trường thuộc, Khoa, Viện lập dự toán chi tiết kinh phí cho từng hoạt động.	Phòng Đào tạo thẩm định nội dung và sự cần thiết của từng hoạt động.	Phòng Đào tạo	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 4b của phụ lục 3.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
5	Biểu 5 về Kế hoạch mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm, bổ sung giáo trình thư viện, sửa chữa nhỏ thiết bị và các kế hoạch mua sắm khác.			
-	Kế hoạch mua sắm, bổ sung thiết bị, máy móc, tài sản, công cụ dụng cụ và các loại tài sản khác và các kế hoạch sửa chữa.	Phòng Quản trị đầu tư và Phòng Kế hoạch Tài chính	Phòng Quản trị đầu tư	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 5a của phụ lục 3.
	Kế hoạch mua bổ sung giáo trình thư viện	Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào và Phòng Kế hoạch Tài chính	Trung tâm thư viện Nguyễn Thúc Hào	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 5b của phụ lục 3.
	Kế hoạch văn phòng phẩm	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng KH-TC	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 5c của phụ lục 3.
6	Biểu 6 về Kế hoạch tuyển dụng, hưu trí, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, chuyển ngạch và các hoạt động khác của công tác tổ chức cán bộ			
-	Tuyển mới: Các đơn vị cân đối khối lượng công việc, kế hoạch đào tạo và kế hoạch tuyển sinh những năm sắp tới của các ngành đào tạo do đơn vị phụ trách với đội ngũ cán bộ, giảng viên hiện có để đề xuất phương án có tính dài hạn ít nhất 05 năm (đến năm học 2026 - 2027). Các đơn vị đào tạo phải có tiêu chí tối thiểu (điều kiện cần) và chỉ đề xuất tuyển dụng giảng viên đối với các đơn vị cấp 3 có số giờ giảng dạy vượt chuẩn bình quân trên 200% định mức giờ chuẩn (chưa	Phòng TCCB	Phòng TCCB	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 6 của phụ lục 3.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	miễn giảm), đồng thời phải tính đến số cán bộ giảng viên trong đơn vị hiện đang đi học cũng như xem xét đến kết quả tuyển sinh trong những năm gần đây của các ngành đào tạo.			
	Về xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, giảng viên: Các đơn vị ghi rõ trình độ, hình thức đào tạo của các giảng viên, cán bộ hiện đang đi học trong nước hay nước ngoài và thời gian bắt đầu được cử đi học đến khi kết thúc khóa học theo Quyết định cử đi học. Đồng thời dự kiến cử cán bộ, giảng viên nào đi học theo trình độ, hình thức đào tạo. Việc cử cán bộ, giảng viên đi học phải căn cứ vào yêu cầu của vị trí việc làm (yêu cầu về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý...); căn cứ vào kế hoạch phát triển của đơn vị và của Nhà trường. Về kinh phí liên quan công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ: Các đơn vị ghi rõ nguồn kinh phí thực hiện (<i>tự túc, đề nghị nhà trường hỗ trợ, đài thọ hoặc từ nguồn kinh phí ngoài trường ...</i>).	Phòng TCCB, các đơn vị quản lý đào tạo.	Phòng TCCB	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 6 của phụ lục 3.
7	Biểu 7 về Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và đăng ký các công bố khoa học			
-	a) <i>Kế hoạch về nhiệm vụ khoa học công nghệ</i> - Các nhiệm vụ khoa học công nghệ được Ngân sách cấp kinh phí thông qua quyết định giao dự toán của Bộ	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 7 của phụ lục 3.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	Giáo dục và đào tạo theo từng loại theo <i>phụ lục 09</i> (Công văn số 630/ĐHV-KH&HTQT ngày 01/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về kế hoạch nhiệm vụ KHCN năm 2023, các đơn vị xây dựng kế hoạch nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2023 theo từng nguồn kinh phí): Đề tài cấp Nhà nước, đề tài Nghị định thư, đề tài cấp Bộ và các nhiệm vụ khác: chỉ nêu nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023. - Các nhiệm vụ khoa học chi từ nguồn trích lập khoa học công nghệ của Trường gồm: Đề tài trọng điểm cấp Trường, đề tài khoa học sinh viên, công trình sinh viên nghiên cứu khoa học, hội nghị hội thảo cấp Trường và các hoạt động khác: chỉ nêu nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023. - Các nhiệm vụ khoa học thực hiện do ký hợp đồng với các cơ quan, tổ chức khác (còn gọi là đề tài thu hộ, chi hộ): cần liệt kê theo tên theo các tổ chức (Quỹ Nafosted, sở khoa học và công nghệ,...) trong trường hợp mỗi tổ chức có nhiều hơn một đề tài: chỉ nêu nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023.			
	<i>b) Kế hoạch về các công bố khoa học</i> Các đơn vị lập kế hoạch dự kiến số lượng công bố trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế năm 2023.	Phòng KH&HTQT	Phòng KH&HTQT	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 7 của phụ lục 3.
8	Biểu 8 về Kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu và kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài chương trình			

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	đào tạo			
a	<i>Biểu 8a về Kế hoạch xuất bản giáo trình:</i> Các Trường thuộc, Khoa, Viện rà soát chương trình đào tạo và số học phần còn thiếu giáo trình để xây dựng kế hoạch xuất bản giáo trình, tài liệu học tập.	Nhà xuất bản chịu trách nhiệm thẩm định, và lập bảng tổng hợp danh mục và dự kiến kinh phí, gửi phòng Kế hoạch – Tài chính đưa vào bảng tổng hợp toàn trường.	Nhà xuất bản	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 8a của phụ lục 3.
b	<i>Biểu 8b về Kế hoạch tự đánh giá, đánh giá ngoài các chương trình đào tạo:</i> Các Trường thuộc, Khoa, Viện rà soát điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo; Căn cứ kế hoạch tự đánh giá và đánh ngoài chương trình đào tạo đại học, sau đại học của Trường đại học Vinh giai đoạn 2022-2025 (số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022) để lập kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài các chương trình đào tạo do đơn vị phụ trách.	Trung tâm Đảm bảo chất lượng rà soát, thẩm định kế hoạch của các Trường thuộc, Khoa, Viện, dự trù kinh phí cho công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của các chương trình;	Trung tâm đảm bảo chất lượng thống kê và tổng hợp gửi về phòng kế hoạch tài chính để tổng hợp kế hoạch chung toàn trường.	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 8b của phụ lục 3.
9	Biểu số 9 về Kế hoạch giảng dạy đào tạo, bồi dưỡng và cấp các chứng chỉ ngắn hạn			
	Các đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động của mình, dự kiến nhu cầu xã hội về việc đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ để xây dựng kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch đào tạo các lớp đào tạo bồi dưỡng cấp chứng chỉ mà đơn vị tham gia mở lớp, tham gia giảng dạy. Các đơn vị lập kế hoạch chi tiết về từng mảng đào tạo,	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng KH-TC	Bảng số liệu tổng hợp theo mẫu 5c của phụ lục 3.

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	bồi dưỡng, dự kiến số lượng cho từng loại.			
10	Biểu 10 kế hoạch chi	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng KH-TC	Biểu tổng chi
a	<i>Chi cho con người</i>			
	Nhà trường cung cấp số liệu tham khảo về chi thu nhập trong năm 2021 trong hệ thống mẫu biểu phần 2 bao gồm các nội dung: - Tiền lương, phụ cấp các loại, các khoản đóng góp của năm 2021 theo mức lương cơ sở 1.490.000 và dự kiến số liệu chi năm 2023 theo mức lương cơ sở tăng lên 1.800.000 từ tháng 7/2023. - Tiền dạy vượt giờ thanh toán năm 2021 gồm 3 học kỳ (năm học 2020-2021 và học kỳ I năm học 2021-2022), các Trường thuộc, Khoa, Viện căn cứ kế hoạch đào tạo và quy mô đào tạo năm 2023 để xác định khối lượng giờ dạy vượt giờ và dự kiến kinh phí chi vượt giờ năm 2023. - Và các khoản chi phúc lợi khác. Ngoài các nội dung trên, các khoản chi cho con người bao gồm các nội dung: - Chi tiền làm thêm giờ (ngoài giờ hành chính), tiền trực đêm, trực các ngày lễ tết. - Chi tiền phụ cấp độc hại. - Học bổng cho người học: tính 8% tổng thu từ học phí theo quy định của Thông tư 31/2014/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 01/8/2013 về việc quy			

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	định học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh sinh viên. - Các khoản tiền thưởng; - Các khoản phúc lợi khác; - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân khác.			
b	<i>Chi chuyên môn nghiệp vụ</i>			
	Gồm các khoản chi: tiền điện, tiền nước, tiền nhiên liệu, văn phòng phẩm, điện thoại, công tác phí, các dịch vụ thuê mướn, hội nghị, tiếp đón đoàn ra đoàn vào (khách quốc tế), chi phí khánh tiết, - Chi mua sắm sửa chữa, duy tu tài sản, cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo. - Trích lập quỹ hoạt động khoa học (<i>Theo Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2014 về việc quy định việc đầu tư và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong cơ sở giáo dục</i>) gồm: + 3% học phí cho sinh viên và người học hoạt động nghiên cứu khoa học. + 5% từ các nguồn thu hợp pháp khác để đầu tư phát triển tiềm lực và phát triển hoạt động khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục.			
11	<i>Biểu Kế hoạch thu</i>	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng KH-TC	Biểu tổng thu
	Trên cơ sở các chỉ tiêu về: - Kế hoạch đào tạo và giảng dạy của biểu 2 do các đơn			

BẢNG HƯỚNG DẪN CÁC ĐƠN VỊ XÂY DỰNG VÀ PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CÁC ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

TT	Nội dung, chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị thẩm định	Đơn vị tổng hợp	Sản phẩm tổng hợp
	vị quản lý đào tạo thẩm định. - Kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ ngắn hạn. - Kế hoạch thu từ các hoạt động sự nghiệp, thu dịch vụ và thu các của các đơn vị. Căn cứ các Quyết định ban hành về học phí, đơn giá thu các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, đơn giá thu các hoạt động khác, Phòng Kế hoạch – Tài chính tổng hợp kế hoạch thu toàn trường.			
12	Chênh lệch thu chi	Phòng Kế hoạch – Tài chính	Phòng KH-TC	Biểu chênh lệch thu chi

Số: 856 /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 15 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Giao nhiệm vụ, kế hoạch năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-HĐT ngày 23/3/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Nghị quyết phê duyệt kế hoạch, chỉ tiêu năm 2022 của Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính và Trường phòng Hành chính Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ, kế hoạch năm 2022 cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Vinh có trách nhiệm triển khai và thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch năm 2022.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường các đơn vị: Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: HCTH, KHTC



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

CÁC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 856/QĐ-ĐHV ngày 15/4/2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. TUYỂN SINH

TT	Đơn vị	Đại học CQ	Đại học VLVH, nâng chuẩn	Đại học từ xa	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	Trường Sư phạm	1.155	4.530		545	13
2.	Trường KHXH&NV	560	480		140	2
3.	Trường Kinh tế	1.260	250		150	5
4.	Viện CN HS-MT	190	70		-	
5.	Viện KT&CN	825	150		20	
6.	Viện NN&TN	200	50		30	
7.	Viện NC&ĐT TT			500		
8.	Khoa Xây dựng	190	110		30	
9.	Khoa GD Thể chất	30	70		15	
10.	Khoa GD Quốc phòng	80	70			
11.	Khoa SP Ngoại ngữ	530	200		30	
	Cộng	5.020	5.980	500	960	20

TT	Đơn vị	Trẻ mầm non	Tiểu học	THCS	THPT chuyên	THPT CLC
12.	Trường THPT Chuyên				350	120
13.	Trường THSP	150	200	200		
	Cộng	150	200	200	350	120

II. MỞ MÃ NGÀNH

TT	Đơn vị	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1.	Trường Sư phạm	1		
2.	Viện KT&CN	1		
3.	Viện NN&TN	2		
4.	Viện NC&ĐT TT		1	
5.	Khoa Xây dựng	1		
6.	Khoa SP Ngoại ngữ	1	1	
	Cộng	6	2	0

III. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

TT	Đơn vị	Tiến sĩ	Thạc sĩ
1.	Trường Sư phạm	7	
2.	Trường KHXH&NV	5	
3.	Trường Kinh tế	4	
4.	Viện CN HS-MT	4	1
5.	Viện KT&CN	1	
6.	Viện NC&ĐT TT	3	
7.	Khoa SP Ngoại ngữ	5	
8.	Trường THPT Chuyên	1	
9.	Phòng CTCT-HSSV		2
10.	Phòng KH-TC	1	
11.	Phòng KH&HTQT	1	
12.	Phòng QT&ĐT		2
13.	Phòng TCCB	1	
14.	Trung tâm DV, HTSV&QHDN	2	2
15.	Trung tâm GDTX		1
16.	Trung tâm GDQP&AN	1	2
17.	Trung tâm TT-TV NTH		1
18.	Trung tâm TH-TN	1	1
	Cộng	37	12

IV. THĂNG HẠNG, HỌC HÀM

TT	Đơn vị	Giáo sư	Phó Giáo sư	GV cao cấp	GV chính	CV chính	Thăng hạng GV
1.	Trường Sư phạm	1	1	1	4		
2.	Trường KHXH&NV		1		5		
3.	Trường Kinh tế		1	2	10		
4.	Viện CN HS-MT				4		
5.	Viện KT&CN		1		3		
6.	Viện NN&TN		1	1			
7.	Viện NC&ĐT TT						
8.	Khoa Xây dựng			1	4		
9.	Khoa GD Thể chất		1				
10.	Khoa SP Ngoại ngữ		4				
11.	Trường THPT Chuyên						10
12.	Trường THSP						10
13.	Phòng Đào tạo				1	1	
14.	Phòng KH&HTQT					1	
	Cộng	1	10	5	31	2	20

V. GIẢI THƯỞNG, CÔNG BỐ KHOA HỌC

TT	Đơn vị	Công bố quốc tế (WOS hoặc Scopus)	Đăng ký phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	Giải thưởng KHCN cấp tỉnh	Giải thưởng SV NCKH cấp Bộ	Giải thưởng SV NCKH cấp Trường
1.	Trường Sư phạm	54	1	1	4	12
2.	Trường KHXH&NV	11		1	2	6
3.	Trường Kinh tế	9		1	2	6
4.	Viện CN HS-MT	6	1	1	1	3
5.	Viện KT&CN	12	1	1	2	6
6.	Viện NN&TN	13	1	1	1	3
7.	Viện NC&ĐT TT	3				
8.	Khoa Xây dựng	12	1	1	1	3
9.	Khoa GD Thể chất	3				1
10.	Khoa GD Quốc phòng					1
11.	Khoa SP Ngoại ngữ	7			1	3
	Cộng	130	5	7	10	44

VI. TỰ ĐÁNH GIÁ, ĐÁNH GIÁ NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Đơn vị	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài	
		Chương trình đại học	Chương trình thạc sĩ	Chương trình đại học	Chương trình thạc sĩ
1.	Trường Sư phạm	3	8	1	1
2.	Trường KHXH&NV	3	2	1	
3.	Trường Kinh tế		1		1
4.	Viện CN HS-MT	2			
5.	Viện KT&CN			2	
6.	Viện NN&TN	2		1	
7.	Khoa Xây dựng	2	1	2	1
8.	Khoa GD Quốc phòng	1			
9.	Khoa SP Ngoại ngữ		1		
	Cộng	13	13	7	3

VII. CÁC CHỈ TIÊU CHUNG

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì
1.	Sửa đổi, bổ sung sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.	Phòng KH&HTQT
2.	Bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2021 - 2025, 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Phòng KH&HTQT
3.	Xây dựng Đề án chuyển đổi số của Trường Đại học Vinh	Viện NC&ĐT trực tuyến

4.	Triển khai áp dụng quy trình quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	Phòng HCTH
5.	Xây dựng và ban hành Quy chế tài chính của Trường Đại học Vinh.	Phòng KH-TC
6.	Xây dựng Đề án phát triển Trường Đại học Vinh thành Đại học Vinh.	Phòng TCCB
7.	Xây dựng Đề án xây dựng Trường Đại học Vinh (Cơ sở II) thành Trung tâm Nghiên cứu Đổi mới sáng tạo khu vực Bắc Trung Bộ.	Phòng QT&ĐT
8.	Xây dựng Đề án thành lập Văn phòng Trường Đại học Vinh.	Phòng TCCB
9.	Xây dựng Đề án thành lập Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Trường Đại học Vinh.	Phòng TCCB
10.	Thành lập Trung tâm khảo thí Trường Đại học Vinh.	Trung tâm ĐBCL
11.	Xây dựng Đề án nâng cấp Trường Thực hành Sư phạm thành trường tiên tiến.	Trường THSP
12.	Xây dựng và ban hành Đề án vị trí việc làm của Trường Đại học Vinh.	Phòng TCCB
13.	Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường Đại học Vinh chu kỳ 2 giai đoạn 2022 - 2027.	Trung tâm ĐBCL
14.	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch - tài chính.	Phòng KH-TC
15.	Nhà trường được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Phòng HCTH
16.	Công tác học sinh, sinh viên xếp loại xuất sắc.	Phòng CTCT-HSSV
17.	Công đoàn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	BCH Công đoàn
18.	Đoàn Thanh niên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tổ chức thành công Đại hội lần thứ XXXI, nhiệm kỳ 2022 - 2027.	BCH Đoàn Thanh niên
19.	Hội Sinh viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	BCH Hội Sinh viên
20.	Hội Cựu chiến binh được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tổ chức thành công Đại hội lần thứ III, nhiệm kỳ 2022 - 2027.	BCH Hội Cựu chiến binh



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

CUNG CẤP SỐ LIỆU ĐÃ PHÊ DUYỆT VỀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH NĂM 2022

1. Các ngành đào tạo giáo viên hệ đại học chính quy

1.1. Các ngành đào tạo giáo viên

Căn cứ Công văn số 3258/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2022 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc thông báo số lượng và chỉ tiêu các ngành đào tạo giáo viên năm 2022:

TT	Các ngành tuyển sinh	Chỉ tiêu được duyệt
1	Giáo dục mầm non	300
2	Giáo dục tiểu học	520
3	Giáo dục chính trị	14
4	Giáo dục thể chất	30
5	Giáo dục quốc phòng - an ninh	30
6	Sư phạm toán học (Đã bao gồm cả 30 chỉ tiêu đào tạo Sư phạm toán chất lượng cao)	150
7	sư phạm tin học	40
8	sư phạm vật lý	15
9	sư phạm hóa học	26
10	sư phạm sinh học	21
11	sư phạm ngữ văn	136
12	sư phạm lịch sử	27
13	sư phạm địa lý	41
14	sư phạm tiếng anh	300
	Tổng:	1.650

1.2. Các ngành đào tạo ngoài sư phạm hệ đại học chính quy

Căn cứ Công văn số 949/ĐHV-ĐT ngày 10/8/2022 của Trường Đại học Vinh về việc đề nghị xét duyệt chỉ tiêu tuyển sinh và đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường, Nhà trường giao và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo như sau:

- Đại học chính quy

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu
1.	Quản lý giáo dục	7140114	50
2.	Ngôn ngữ Anh	7220201	200
3.	Quản lý văn hoá	7229042	50
4.	Kinh tế	7310101	120
5.	Chính trị học	7310201	50
6.	Quản lý nhà nước	7310205	50
7.	Việt Nam học	7310630	100
8.	Quản trị kinh doanh	7340101	400
9.	Quản trị kinh doanh chất lượng cao	7340101C	50
10.	Tài chính - Ngân hàng	7340201	200
11.	Kế toán	7340301	500
12.	Luật	7380101	200
13.	Luật kinh tế	7380107	200
14.	Công nghệ sinh học	7420201	50
15.	Khoa học máy tính	7480101	50
16.	Công nghệ thông tin	7480201	300
17.	Công nghệ thông tin chất lượng cao	7480201C	50
18.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	200
19.	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	50
20.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	150

21.	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	50
22.	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	100
23.	Công nghệ thực phẩm	7540101	120
24.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	150
25.	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	100
26.	Kinh tế xây dựng	7580301	50
27.	Chăn nuôi	7620105	60
28.	Nông học	7620109	50
29.	Nuôi trồng thủy sản	7620301	100
30.	Điều dưỡng	7720301	150
31.	Công tác xã hội	7760101	100
32.	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	100
33.	Quản lý đất đai	7850103	50
Tổng:			4.200

2) Các ngành đào tạo Vừa làm vừa học

Căn cứ Thông báo số 10/TB-ĐHV ngày 28/01/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tuyển sinh trình độ đại học, hình thức vừa làm vừa học năm 2022:

2.1) Các ngành đào tạo VLVH hệ đại học; Liên thông từ trung cấp / cao đẳng lên đại học; Văn bằng thứ 2

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Ngôn ngữ Anh	7220201	170
2	Quản lý văn hoá	7229042	50
3	Quản lý nhà nước	7310205	50
4	Quản trị kinh doanh	7340101	50
5	Kế toán	7340301	50
6	Luật	7380101	350
7	Luật kinh tế	7380107	100
8	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	30
9	Kỹ thuật xây dựng	7580201	50
10	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	30
11	Nông học	7620109	30
12	Kinh tế nông nghiệp	7620115	50
13	Nuôi trồng thủy sản	7620301	30
14	Công tác xã hội	7760101	50
15	Du lịch	7810101	50
16	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	30
17	Quản lý đất đai	7850103	50
CỘNG			1.220

2.2) Các ngành đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên theo Nghị định 71

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu tuyển sinh
1	Giáo dục Mầm non	7140201	750
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	970
3	Giáo dục Chính trị	7140205	100
4	Giáo dục Thể chất	7140206	130
5	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	100
6	Sư phạm Toán học	7140209	100
7	Sư phạm Tin học	7140210	100
8	Sư phạm Vật lý	7140211	100
9	Sư phạm Hóa học	7140212	100
10	Sư phạm Sinh học	7140213	100
11	Sư phạm Ngữ văn	7140217	100
12	Sư phạm Lịch sử	7140218	100
13	Sư phạm Địa lý	7140219	100
14	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	150
	CỘNG		3.000

3. Đối với đại học hình thức ĐTTX

TT	NỘI DUNG	Chỉ tiêu tuyển sinh 2022	Ghi chú
1	Đào tạo từ xa trực tiếp	0	
2	Đào tạo từ xa trực tuyến	500	
	CỘNG	500	

4. Đối với đào tạo Sau đại học:

TT	ĐƠN VỊ	Thạc sĩ	Tiến sĩ
1	Trường Sư phạm	545	13
2	Trường KHXH&NV	140	2
3	Trường Kinh tế	150	5
4	Viện Kỹ thuật - Công nghệ	20	
5	Viện Nông nghiệp và Tài nguyên	30	
6	Khoa Xây dựng	30	
7	Khoa Giáo dục thể chất	15	
8	Khoa Sư phạm Ngoại ngữ	30	
	CỘNG	960	20

Lưu ý: Đơn vị nào nhận thấy có ngành học tại các bậc đào tạo những năm gần đây và dự báo năm học tới, thời gian tới không tuyển sinh được thì đề xuất Nhà trường đóng mã ngành và không giao chỉ tiêu tuyển sinh từ năm 2023.

5. Đối với số lượng học sinh Trường THPT Chuyên, Trường THSP (gồm cả học sinh THPT chất lượng cao):

TT	NỘI DUNG	Chỉ tiêu tuyển sinh 2022	Ghi chú
1	Trường THPT Chuyên	470	
	Hệ THPT Chuyên	350	
	Hệ THPT Chất lượng cao	120	
2	Trường THSP	550	
	Trẻ mầm non	150	
	Tiểu học	200	
	THCS	200	

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH

Hôm nay, ngày.... tháng năm, tại chúng tôi gồm:

1. Thành phần thẩm định:

Đại diện đơn vị lập kế hoạch:

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. Ông/Bà | Chức vụ: |
| 2. Ông/Bà | Chức vụ: |

Đại diện đơn vị thẩm định kế hoạch:

- | | |
|-----------------|----------------|
| 1. Ông/Bà | Chức vụ: |
| 2. Ông/Bà | Chức vụ: |

2. Nội dung thẩm định

Thẩm định Biểu số về nội dung “.....” trong Kế hoạch năm của đơn vị. Quan điểm chung trong việc xây dựng là đơn vị phải rà soát hết các nhiệm vụ, nội dung hoạt động trong năm kế hoạch để đưa vào các bảng biểu đề xuất.

Nội dung được đưa vào kế hoạch là những nội dung được xem xét thực hiện trong năm kế hoạch. Các nội dung có tính chất thường xuyên, không phải nhiệm vụ đột xuất, bất thường nhưng không đề cập trong kế hoạch thì không được xem xét thực hiện.

2.1. Về số liệu

- Các số liệu có trong kế hoạch của đơn vị xây dựng nhưng không được đề cập trong bảng dưới đây là các số liệu đã được đơn vị thẩm định thống nhất thông qua.

- Các số liệu đề nghị điều chỉnh, gồm:

Biểu	Tên biểu / Mục .../ Nội dung trong mục	Số liệu, thông tin Đơn vị lập kế hoạch xây dựng	Số liệu, thông tin đơn vị thẩm định điều chỉnh	Lý do

2.2. Về nội dung và các ý kiến khác

.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Kết luận

- Các nội dung được đề cập trong biên bản là các nội dung bên thẩm định đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc cập nhật.

- Các nội dung không được đề cập trong biên bản mà có trong bảng số liệu của đơn vị xây dựng kế hoạch là đã được đơn vị thẩm định đồng ý thông qua.

Sau quá trình làm việc, thảo luận và trao đổi, hai bên đã cùng nhau thống nhất và đã hoàn thiện kế hoạch theo các số liệu, nội dung được đề cập.

Bảng số liệu đính kèm là bảng số liệu hoàn thiện đã được thẩm định và hai bên thống nhất đưa vào tổng hợp kế hoạch 2023 toàn trường.

Đơn vị lập kế hoạch

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đơn vị thẩm định
theo chức năng nhiệm vụ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

.....